

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 43/2020/HS-ST
Ngày 25-02-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Nhuận;

Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Phước T, sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: Đội F, thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T, sinh năm 1962 và bà Võ Thị Thu S, sinh năm 1967; bị cáo có chồng tên Nguyễn Đình T, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có. Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/10/2019 đến ngày 06/01/2020 bị cáo bị áp dụng biện pháp bảo lãnh đến ngày 23/01/2020; từ ngày 24/01/2020 đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại:

- Bà Lầy Kim P, sinh năm 1984; nơi cư trú: A đường B, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bà Văn Thị Hoàng O, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp D, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: Số B đường N2, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Trần Xuân H; Có yêu cầu vắng mặt.

Lê Văn D; Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26/10/2019, Trần Thị Phước T đi xe khách từ Quảng Ngãi vào Bình Dương để tìm việc làm. Trên xe khách T gặp bà Bùi Thị N, cũng đang trên đường đi vào Thành phố Hồ Chí Minh, T rủ N xuống Bình Dương để nghỉ ngơi và ở nhờ nhà người quen của T thì N đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/10/2019, T và N cùng xuống xe ở ngã tư P Thành phố Hồ Chí Minh rồi cả hai đón xe buýt đến siêu thị A Bình Dương để ăn uống và tham quan. Khi T đi qua quầy bán rau quả thì phát hiện bà Lầy Kim P, đang đeo 01 túi xách màu đen, không kéo khóa, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F5, màu đỏ, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, T tiến lại gần bà P và dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại và cắt và túi áo khoác rồi nhanh chóng đi ra nơi khác. Tiếp đến T cùng bà N đi đến khu vực bán hàng gia dụng thì T phát hiện bà Văn Thị Hoàng O, mang 01 túi xách bên trong có 01 chiếc điện thoại OPPO A1K màu đỏ nên T liền tiếp cận và dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại bỏ vào túi áo khoác của T. Sau đó, T đi lại quầy bán thức ăn nhanh của siêu thị. Qua giám sát camera an ninh, ông Trần Xuân H là nhân viên an ninh của siêu thị phát hiện hành vi trộm cắp tài sản của T nên thông báo cho bảo vệ là ông Lê Văn D giữ T và N lại để kiểm tra và phát hiện trong túi áo khoác của T có 02 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO vừa trộm cắp được nên đã báo Công an phường G.

Tại bản kết luận định giá ngày ngày 14/11/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thị xã T kết luận: Trị giá điện thoại di động hiệu OPPO F5, màu đỏ là 2.200.000 đồng. Trị giá điện thoại di động hiệu OPPO A1K, màu đỏ là 2.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Thị Phước T đã chiếm đoạt là 4.300.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-TA ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thị Phước T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố, phân tích tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Phước T mức hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Tài sản đã được thu hồi và giao trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Đối với bà Bùi Thị N là người đi cùng T nhưng T không nói và bà N cũng không biết việc T trộm cắp tài sản của người khác. Do đó, Cơ quan điều tra Công an thị xã T không xem xét xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo trở về với lo cho gia đình, làm người có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Phước T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 27/10/2019, tại siêu thị A Bình Dương thuộc phường G, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo T lén lút lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã chiếm đoạt tài sản gồm 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A1K có tổng trị giá là 4.300.000 đồng của bà Lây Kim P và bà Văn Thị Hoàng O. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo là người còn trẻ, có khả năng lao động lẽ ra bị cáo phải tìm cho mình một nghề nghiệp ổn định, tích cực lao động để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, chăm lo cho gia đình nhưng vì tham lam, lười lao động mà bị cáo đã dần dần thân vào con đường phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản liên quan đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, không gây thiệt hại về tài sản và người bị hại Văn Thị Hoàng O có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo khó khăn là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, mong muốn được sửa đổi bản thân, Mặt khác, bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2019 đến ngày 06/01/2020, thời gian tạm giữ, tạm giam trên cũng đủ để giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Do vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2019 đến ngày 06/01/2020 nên sẽ khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam

này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử sẽ miễn khấu trừ thu nhập để sung công quỹ cho Nhà nước.

[5] Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A1K của bà Lầy Kim P và Văn Thị Hoàng O, bà P và bà O đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với bà Bùi Thị N là người đi cùng T nhưng T không nói và bà N cũng không biết việc T trộm cắp tài sản của người khác. Do đó, Cơ quan điều tra Công an thị xã T không xem xét xử lý vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[7] LỜI đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Phước T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2019 đến ngày 06/01/2020. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 10 (mười) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, bị cáo Trần Thị Phước T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng với thời gian 02 (hai) giờ trong một ngày và 02 (hai) ngày trong 01 (một) tuần. Ngày, giờ và công việc cụ thể do Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi bố trí, sắp xếp. Thời gian thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng tương ứng với thời gian mà bị cáo phải thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Thị Phước T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án Hình sự 2019.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Phước T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

